

Số: **08** /2018/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày **13** tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý Vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư số 50/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật Khoáng sản số 60/2010/QH11 ngày 17/11/2010; Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Luật Thương mại số: 36/2005/QH11, ngày 14/6/2005.

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng và các Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Thương mại.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 639/TTr-SXD ngày 24/11/2017 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 249/BCTĐ-STP ngày 07/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: “Quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/5/2018 và thay thế Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 08/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Các văn bản khác có nội dung trái với quy định tại Quyết định này đề bị bãi bỏ.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - V0-4, XD1-6, CN, GT1,2;
 - Lưu: VT, XD4;
- 10bQĐ4-01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Diện

**QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **08** /2018/QĐ-UBND ngày **13** /4/2018)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định về quản lý về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là quy định quản lý: (1) Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng, Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt; (2) Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; khai thác chế biến khoáng sản để sản xuất xi măng; (3) Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; (4) Khai thác đất đồi, cát, xỉ thải các nhà máy nhiệt điện, xỉ thải của các mỏ khai thác than làm vật liệu san lấp mặt bằng; (5) Khai thác xỉ thải các nhà máy nhiệt điện, xỉ thải, đất đá thải của các mỏ khai thác than để chế biến làm vật liệu xây dựng; (6) Chất lượng vật liệu xây dựng.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Quảng Ninh; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (theo quy định của pháp luật của Việt Nam) tham gia các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2: Nguyên tắc quản lý vật liệu xây dựng

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh thống nhất quản lý về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Nhân dân (viết tắt là UBND); các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và UBND cấp xã, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị (các cấp, các ngành, các đoàn thể chính trị), các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác quản lý về vật liệu xây dựng được triển khai thường xuyên, đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nhằm tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, đáp ứng được nhu cầu về vật liệu xây dựng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng trên thị trường và vật liệu xây dựng được đưa vào các công trình xây dựng phải đúng theo các tiêu chuẩn được công bố áp dụng và quy chuẩn quy định.

Điều 3. Mục tiêu quản lý vật liệu xây dựng

1. Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực vật liệu xây dựng đảm bảo cho việc khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng. Khai thác thế mạnh của tỉnh; thu hút các nguồn lực về vốn, khoa học, công nghệ, lao động để phát triển ngành vật liệu xây dựng thành ngành kinh tế phát triển; đáp ứng về số lượng, chất lượng và các chủng loại vật liệu xây dựng, phục vụ nhu cầu xây dựng trong tỉnh, cả nước và xuất khẩu.

2. Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tỉnh Quảng Ninh thành ngành công nghiệp có trình độ công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp với trình độ công nghệ của khu vực và thế giới; tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

3. Nâng cao năng lực quản lý, vận hành, phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng; nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý; làm chủ những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của khu vực và thế giới áp dụng trong khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

4. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu đầu tư cải tạo các dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng hiện có cho phù hợp với trình độ công nghệ của khu vực và thế giới.

5. Khuyến khích đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung, thực hiện các chỉ tiêu của “Chương trình phát triển vật liệu không nung đến 2020” đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số: 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010; thực hiện hoàn thành kế hoạch số 3595/KH-UBND ngày 23/6/2015 của UBND tỉnh “Kế hoạch thực hiện chương trình phát triển vật liệu xây đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

6. Tổ chức thực hiện hoàn thành lộ trình xóa bỏ các loại lò nung thủ công theo Kế hoạch số 3988/KH-UBND ngày 09/7/2015 “Kế hoạch chấm dứt sản xuất gạch đất sét nung bằng các loại lò sử dụng công nghệ lạc hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”; Kế hoạch số 1460/KH-UBND ngày 22/3/2016 “Kế hoạch chấm dứt hoạt động các cơ sở sản xuất vôi bằng lò thủ công trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng

1. Ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về vật liệu xây dựng; các quy định về hạn chế, khuyến khích đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sử dụng, xuất, nhập khẩu vật liệu xây dựng, khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

2. Tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng; quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng; quản lý và tổ chức thực hiện sau khi quy hoạch được phê duyệt.

3. Thẩm định, đánh giá về công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; Công nghệ chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

4. Tổ chức thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng, vật liệu san lấp mặt bằng, thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh và các dự án khác theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương để áp dụng trong phạm vi của tỉnh đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng đặc thù, các yêu cầu cụ thể về môi trường phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

6. Hướng dẫn công bố hợp quy; tiếp nhận công bố hợp quy; các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, môi trường trong các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, nguyên liệu sản xuất xi măng; sản xuất vật liệu xây dựng và theo dõi việc thực hiện.

7. Hướng dẫn việc đầu tư, kinh doanh, theo quy định của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa vật liệu xây dựng.

8. Theo dõi, tổng hợp tình hình quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh và hàng hóa VLXD xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

9. Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp mặt bằng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

10. Công bố định kỳ giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

11. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; quản lý và sử dụng các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

12. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn vệ sinh lao động; bảo hộ lao động; tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động và phòng, chống cháy nổ trên địa bàn tỉnh; tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động, người lao động trong khai thác chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng; thực hiện các quy định về đăng ký các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

13. Hướng dẫn, tổ chức thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác và giấy phép tận thu khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ; đất đai, môi trường và tài nguyên nước; quản lý việc thực hiện những nội dung trên theo quy định của pháp luật.

14. Thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; khoáng sản làm nguyên liệu

sản xuất xi măng; khai thác, sản xuất vật liệu san lấp mặt bằng; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ VỀ QUY HOẠCH

Điều 5. Quản lý quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng

1. Tổ chức lập, thẩm định trình phê duyệt quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Mục 1, Chương 2, Nghị định 24a/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

2. Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của cả nước và của tỉnh Quảng Ninh đã được phê duyệt theo quy định.

Điều 6. Quản lý quy hoạch thăm dò khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng

1. Tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm Vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Mục 2, Chương 2 Nghị định 24a/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

2. Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm Vật liệu xây dựng thông thường của cả nước và của tỉnh Quảng Ninh, quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm nguyên liệu xi măng đã được phê duyệt theo quy định.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG; KHOÁNG SẢN LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT XI MĂNG

Điều 7. Quản lý Dự án thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng

- Dự án thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm nguyên liệu để sản xuất xi măng trên địa bàn tỉnh phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định về chủ trương thăm dò loại khoáng sản.

- Đề án thăm dò được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT, ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản”.

- Giấy phép thăm dò được cấp có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 41 Luật khoáng sản 2010.

- Tổ chức thực hiện thăm dò, lập báo cáo, thẩm định phê duyệt trữ lượng theo quy định của Luật khoáng sản, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính Phủ.

Điều 8. Quản lý Dự án khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; khai thác, chế biến khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng

Dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng phải được cấp có thẩm quyền cho phép và phù hợp với Quy hoạch được phê duyệt bao gồm những nội dung sau:

1. Về lĩnh vực khoáng sản:

- Giấy phép khai thác khoáng sản của cấp có thẩm quyền cấp theo quy định của Điều 82 Luật khoáng sản số 60/2010/QH12.

- Giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản (nếu có).

- Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Thông tư 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công thương “Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản”.

- Bản đồ cập nhật hiện trạng mỏ lập theo quy định của Thông tư 12/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định về việc giao nộp, thu nhận, lưu giữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản” (1 năm/lần); bản đồ mặt cắt hiện trạng (6 tháng/lần).

- Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Quyết định bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ theo quy định tại Khoản 2, Điều 62, Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12.

- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản định kỳ; báo cáo kiểm kê trữ lượng mỏ hàng năm, theo quy định tại Tiết b, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản”.

2. Về lĩnh vực môi trường:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ “quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường” và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường” (gồm báo cáo và Quyết định phê duyệt).

- Đề án cải tạo phục hồi môi trường được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định của Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản”.

- Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường hoặc Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của cơ quan có thẩm quyền quản lý về môi trường.
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường.
- Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ (2 đến 4 lần/năm, theo nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường).
- Báo cáo định kỳ công tác bảo vệ môi trường; báo cáo quản lý chất thải nguy hại (1 lần/năm).
- Hợp đồng việc vận chuyển xử lý chất thải nguy hại.

3. Lĩnh vực đất đai:

- Quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.
- Hợp đồng thuê đất theo quy định.
- Bản đồ hiện trạng khu vực thuê đất (1 lần/năm).

4. Lĩnh vực tài nguyên nước.

- Giấy phép khai thác nước.
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

5. Về vật liệu nổ công nghiệp

- Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định.
- Đăng ký sử dụng kho vật liệu nổ công nghiệp.

6. Sản phẩm được chế biến từ khoáng sản làm vật liệu xây dựng phải được công bố chất lượng theo quy định của QCVN 16:2016; Quyết định giá bán và niêm yết công khai giá bán theo quy định

7. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Việc điều chỉnh Dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng theo quy định của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12.

Điều 9. Quản lý khai thác cát, sỏi xây dựng

1. Dự án khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng được cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định của Luật Khoáng sản phải thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 8 của Quy định này.

2. Tổ chức cá nhân khai thác cát, sỏi thuộc những địa điểm Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho cấp huyện quản lý phải thực hiện:

- Lập phương án khai thác, vận chuyển, tiêu thụ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, tự tổ chức phê duyệt và nộp Ủy ban nhân dân cấp huyện để quản lý theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Dự án khai thác đất đá thải mỏ để chế biến sản xuất cát, sỏi làm vật liệu xây dựng.

- Thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 17 của Quy định này;
- Sản phẩm cát, sỏi tham gia vào thị trường vật liệu xây dựng phải được công bố chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

4. Điều chỉnh Dự án đầu tư khai thác, chế biến cát sỏi làm vật liệu xây dựng; Dự án khai thác đất đá thải mỏ để chế biến sản xuất cát, sỏi làm vật liệu xây dựng.

- Dự án đầu tư khai thác, chế biến cát sỏi làm vật liệu xây dựng được thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12.

- Dự án khai thác đất đá thải mỏ để chế biến sản xuất cát, sỏi làm vật liệu xây dựng được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5, Điều 61, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Khoản 3, Điều 14, Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 10. Quản lý Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, gạch ốp lát, vôi...)

1. Dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng phải phù hợp với quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác có liên quan, được cấp có thẩm quyền cho phép và được chấp thuận đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (gồm báo cáo và Quyết định phê duyệt).

4. Quyết định giao đất, cho thuê đất, Hợp đồng thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

5. Giấy phép xây dựng được cấp theo quy định Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015, Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp phép xây dựng; Quyết định số 3272/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc “Ban hành quy định về cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

6. Sản phẩm vật liệu xây dựng đưa ra thị trường phải được công bố chất lượng phù hợp theo QCVN 16:2014/BXD hoặc phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng.

Các loại vật liệu đầu vào phải có chất lượng phù hợp và có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp. Quyết định giá bán và niêm yết công khai giá bán theo quy định.

7. Điều chỉnh Dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5; Điều 61 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 14, Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

8. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quản lý dự án Sản xuất vật liệu xây dựng không nung

1. Dự án sản xuất vật liệu xây dựng không nung phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền cho phép. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 10 của Quy định này.

2. Có bộ máy nhân lực được đào tạo, đủ năng lực vận hành thiết bị công nghệ và kiểm soát chất lượng sản phẩm.

3. Các loại nguyên liệu là phụ gia, phế thải của các ngành công nghiệp khác dùng để sản xuất vật liệu xây dựng không nung phải được kiểm nghiệm có kết quả phù hợp để sản xuất vật liệu xây dựng, được vận chuyển, lưu giữ tại các kho, bãi, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo các quy định về môi trường và phù hợp các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Sản phẩm vật liệu xây dựng không nung đưa ra thị trường phải được công bố chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2016/BXD hoặc phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng. Quyết định giá bán và niêm yết công khai giá bán theo quy định.

5. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Việc điều chỉnh Dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng không nung được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5, Điều 61, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Khoản 3, Điều 14, Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 12. Quản lý sản xuất bê tông

1. Quản lý sản xuất bê tông thương phẩm (*bê tông xi măng, bê tông nhựa*)

a. Dự án sản xuất bê tông thương phẩm phải phù hợp với quy hoạch (*hoặc nhu cầu sử dụng bê tông của dự án đầu tư xây dựng*) và được cấp có thẩm quyền cho phép. Thực hiện đầy đủ các quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều 10 của Quy định này.

b. Các loại nguyên liệu đầu vào (cát, đá, xi măng, phụ gia, nước, bitum...) phải có nguồn gốc rõ ràng và những nguyên liệu thuộc diện phải công bố chất lượng thì phải được công bố chất lượng theo quy định (*có bản công bố, phiếu kiểm nghiệm kèm theo*).

c. Sản phẩm bê tông thương phẩm phải được công bố chất lượng theo tiêu chuẩn áp dụng. Quyết định giá bán và niêm yết công khai giá bán theo quy định.

d. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quản lý Dự án sản xuất bê tông đúc sẵn

a. Dự án đầu sản xuất bê tông đúc sẵn phải phù hợp với quy hoạch (*hoặc nhu cầu của dự án đầu tư xây dựng*) và được cấp có thẩm quyền cho phép. Có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều 10 của Quy định này.

b. Các loại nguyên liệu đầu vào (*cát, đá, xi măng, phụ gia, nước*) phải có nguồn gốc rõ ràng và được công bố chất lượng theo quy định (*có bản công bố, phiếu kiểm nghiệm kèm theo*).

c. Sản phẩm bê tông đúc sẵn phải được công bố chất lượng theo tiêu chuẩn áp dụng hoặc công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2016/BXD (*nếu có*). Quyết định giá bán và niêm yết công khai giá bán theo quy định.

d. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Quản lý kinh doanh vật liệu xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng phải có địa điểm kinh doanh phù hợp được cấp có thẩm quyền cho phép; có biển ghi rõ tên cửa hàng, tên tổ chức, cá nhân kinh doanh. Đối với cửa hàng, siêu thị kinh doanh vật liệu xây dựng phải có đủ diện tích kho, bãi chứa đảm bảo cho việc bảo quản, xuất nhập hàng hóa vật liệu xây dựng.

2. Hàng hóa vật liệu xây dựng phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được công bố chất lượng sản phẩm theo quy định, có đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho người tiêu dùng.

3. Đăng ký giá bán và niêm yết công khai giá bán theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa vật liệu xây dựng tại các bến, bãi tập kết, ngoài việc thực hiện các quy định của các khoản 1, 2, 3 của Điều này còn phải thực hiện đầy đủ các quy định về cảng thủy nội địa và bến, bãi tập kết theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Thương mại, Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng

1. Sản phẩm vật liệu xây dựng tham gia thị trường phải đạt tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật đã công bố.

2. Những sản phẩm vật liệu xây dựng chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì nhà sản xuất phải có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn áp dụng và phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất.

3. Sản phẩm vật liệu xây dựng có nhãn thì phải được ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hoá.

Điều 15. Quản lý hàng hóa vật liệu xây dựng xuất nhập khẩu

1. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng phải thực hiện đầy đủ các quy định tại Khoản 1, Điều 36, Nghị định 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 Nghị định của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng thực hiện đầy đủ các quy định tại Khoản 2, Điều 36, Nghị định 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính Phủ về quản lý vật liệu xây dựng. Sản phẩm vật liệu xây dựng nhập khẩu phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và được công bố phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt nam (*đối với hàng hóa đã có quy chuẩn*).

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ VẬT LIỆU SAN LẤP MẶT BẰNG

Điều 16. Vật liệu san lấp mặt bằng là đất đồi, cát sỏi làm vật liệu san lấp mặt bằng

I. Dự án đầu tư khai thác đất đồi, cát sỏi làm vật liệu san lấp mặt bằng có trữ lượng khai thác từ 50.000 m³ trở lên;

1. Về hồ sơ pháp lý

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về chủ trương địa điểm khai thác và tuyến đường vận chuyển (*chỉ cấp mở cho những chủ dự án có nhu cầu san lấp*).

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, phê duyệt trữ lượng trong báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng mỏ.

- Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định và quyết định phê duyệt theo quy định của Thông tư 26/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản và phù hợp với Quy hoạch chi tiết.

2. Về lĩnh vực môi trường.

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT, ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (gồm Báo cáo và Quyết định phê duyệt). Đăng ký chủ nguồn chất thải theo quy định.

- Đề án cải tạo phục hồi môi trường được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định của Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường hoặc Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của cơ quan có thẩm quyền quản lý về môi trường.

- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường.

- Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ (theo nội dung cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt).

- Báo cáo định kỳ công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Lĩnh vực đất đai:

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai;

- Hợp đồng thuê đất theo quy định;

- Bản đồ hiện trạng khu vực thuê đất;

- Biên bản bàn giao đất tại thực địa.

4. Có văn bản thông báo thời gian xây dựng cơ bản mở và kế hoạch khai thác gửi Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có mỏ đất, cát sỏi làm vật liệu san lấp.

5. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật liên quan.

II. Dự án đầu tư khai thác đất đồi, cát sỏi làm vật liệu san lấp có trữ lượng khai thác dưới 50.000 m³

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định về chủ trương địa điểm khai thác, phù hợp với Dự án đầu tư (*chỉ cấp mở cho những chủ dự án có nhu cầu san lấp*).

- Trữ lượng khai thác phải được cơ quan chuyên môn về thăm dò khảo sát có đủ tư cách pháp nhân thực hiện và tự chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Lập phương án khai thác, vận chuyển và sử dụng phù hợp với từng dự án đầu tư xây dựng công trình; trình Sở Xây dựng thẩm định theo quy định.

- Lập, trình thẩm định Kế hoạch bảo vệ môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Vật liệu san lấp mặt bằng là đất đá thải của các mỏ khai thác than, khai thác chế biến đá làm vật liệu xây dựng

Dự án khai thác, sử dụng đất, đá thải của các mỏ khai thác than; khai thác chế biến đá làm vật liệu san lấp mặt bằng phải được cấp có thẩm quyền cho phép và được sự đồng thuận của chủ nguồn đất đá thải.

- Đất, đá thải của các mỏ khai thác than, mỏ khai thác chế biến đá làm vật liệu xây dựng phải có chất lượng và tính chất cơ lý phù hợp để làm vật liệu san lấp mặt bằng theo yêu cầu về khối lượng và kỹ thuật của từng dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Lập phương án khai thác, vận chuyển, sử dụng đất đá thải mỏ làm vật liệu san lấp phù hợp với Dự án khai thác mỏ và Dự án đầu tư xây dựng công trình; trình Sở Xây dựng thẩm định theo quy định.

- Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Vật liệu san lấp mặt bằng là xỉ thải công nghiệp

Dự án khai thác, sử dụng xỉ thải của các ngành công nghiệp (*nhật điện, phân bón, hóa chất...*) làm vật liệu san lấp mặt bằng phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Xỉ thải của các ngành công nghiệp (*nhật điện, phân bón hóa chất...*) phải có chất lượng phù hợp để sản xuất vật liệu xây dựng.

- Lập phương án khai thác, vận chuyển, sử dụng phù hợp với Dự án đầu tư và có sự thỏa thuận của chủ nguồn xỉ thải; trình Sở Xây dựng thẩm định theo quy định.

- Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Điều 19. Quản lý vật liệu san lấp là các sản phẩm của các dự án nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa

- Dự án nạo vét, duy tu luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quản lý các Dự án nạo vét, duy tu luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa theo nội dung Dự án đầu tư được phê duyệt.

- Sản phẩm của dự án nạo vét là khoáng sản thì phải thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về Xây dựng, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Chế độ báo cáo

- Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng, 01 năm về tình hình hoạt động của đơn vị gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng;

- Sở Xây dựng chủ trì tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

Điều 21. Thanh tra, Kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thanh tra, kiểm tra theo từng lĩnh vực quản lý.

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có những hành vi vi phạm Quy định này và các quy định khác của pháp luật tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

2. Cán bộ công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở các tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh hoặc trục lợi cá nhân tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Xây dựng

a. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện Quy định về quản lý vật liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các địa phương hướng dẫn việc khai thác, vận chuyển và sử dụng đất đồi, cát, đất đá thải mỏ, tro xỉ để làm vật liệu san lấp mặt bằng cho các dự án đầu tư xây dựng các công trình.

c. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng về tình hình phát triển vật liệu xây dựng; tình hình quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý khu kinh tế, Ban xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, Cục Thống kê tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng tổ chức thực hiện tốt quy định này.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chủ trì phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan quản lý toàn diện về hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp mặt bằng tại địa phương theo quy định.

2. Định kỳ, đột xuất phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp mặt bằng tại địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện việc quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi đổ phế thải vật liệu xây dựng phù hợp với quy hoạch của địa phương; hàng năm có khảo sát và điều chỉnh lại các quy định khu vực, đường phố, địa điểm cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn, tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, phát hiện và xử lý các sai phạm trên địa bàn; báo cáo kịp thời và đề xuất giải pháp xử lý hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh nếu vượt quá thẩm quyền giải quyết.

5. Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xác định các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn (nếu có) để đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác nhằm phục vụ nhu cầu phát triển vật liệu xây dựng của địa phương và của tỉnh.

6. Định kỳ thống kê tình hình biến động giá trên địa bàn quản lý gửi về Sở Xây dựng để làm cơ sở công bố giá vật liệu xây dựng theo quy định.

7. Định kỳ cung cấp cho Sở Xây dựng danh sách hộ kinh doanh đăng ký cấp mới, thay đổi nội dung kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt kinh doanh, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng thuộc thẩm quyền cấp huyện để tổng hợp báo cáo theo quy định.

8. Định kỳ hàng năm báo cáo về tình hình phát triển vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp mặt bằng gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng; khai thác đất, cát, đất đá thải mỏ, xỉ thải công nghiệp làm vật liệu san lấp mặt bằng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

1. Tổ chức thực hiện nghiêm quy định này và thực đầy đủ các quy định của Pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện công bố chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng phù hợp tiêu chuẩn, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quyết định giá bán hàng hóa vật liệu xây dựng gửi Ủy ban nhân dân địa phương và Sở Xây dựng để công bố giá theo quy định.

3. Phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định.

4. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

Điều 26. Điều khoản thi hành

Quy định này ban hành kèm theo Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 13/4/2018. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương; các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Diện